

Diễn biến thị trường ngày 15.02.2017

Tiếp đà tăng các phiên vừa qua, thị trường hôm nay đã có một phiên giao dịch đầy hưng phấn, đặc biệt tại sàn HOSE. Chỉ số VN-Index bật tăng ngay từ thời điểm mở cửa kết phiên tại mức 711.57 điểm, tăng tổng cộng 5.31 điểm, tương đương 0.75%, GTGD tăng 3% so với phiên hôm qua, đạt đến 3,288.49 tỷ đồng. Chỉ số HNX-Index cũng có phiên tăng điểm khá tốt khi chỉ số kết phiên ở mức 86.32 điểm, tăng 0.12 điểm, tương đương 0.14%. GTGD giảm nhẹ 4.59% so với phiên trước, đạt 416.54 tỷ đồng.

VIC (+4.6%) với lực mua ròng mạnh từ khối ngoại, lên đến gần 500,000 cp, là động lực chính của phiên tăng điểm hôm nay. Việc VIC được khối ngoại mua ròng lớn và tăng mạnh cũng tạo sức lan toả đến các cổ phiếu nhóm ngành BĐS khác: NVL (+0.5%), DXG (+1.4%), KDH (+0.5%), PDR (+0.7%), LDG (+5.9%).

Nhóm cổ phiếu ngành xây dựng cũng lấy lại đà tăng sau nhịp điều chỉnh ngày hôm qua. CTD (+1.4%), HBC (+0.5%) và CII (+1.3%) dẫn đầu nhóm ngành xây dựng. Các cổ phiếu xây dựng khác cũng có phiên tăng điểm tốt: HUT (+0.8%), LCG (+5.2%).

3 cổ phiếu ngân hàng nhà nước cũng tăng điểm mạnh mẽ, đóng góp gần 2 điểm trong số điểm tăng của VN-Index. CTG (+3.5%) là cổ phiếu tăng mạnh nhất trong nhóm 3 ngân hàng, tiếp theo là BID (+2.1%)

Cập nhật thị trường	HOSE	HNX
Chỉ số	711,57	86,32
% thay đổi	0,75 %	0,14 %
Tổng KLGD (triệu CP)	169,00	40,02
Tổng GTGD (Tỷ VND)	3.288,49	416,54
KL Dư mua (triệu CP)	124,83	34,50
KL Dư bán (triệu CP)	141,56	32,63

Giao dịch nước ngoài	HOSE	HNX
KL NĐTNN mua (triệu CP)	12,35	0,72
KL bán (triệu CP)	11,76	0,45
GT mua (tỷ đồng)	492,34	12,07
GT bán (tỷ đồng)	390,28	12,25
KL mua/bán ròng (triệu CP)	0,59	0,26
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	102,06	-0,18

Chỉ số thị trường	HOSE	HNX
P/B	4.37	1.60
P/E	16.67	11.03
Beta	1.00	0.89
ROE	19.8%	14.6%
ROA	10.7%	6.1%

và VCB (+0.8%). Ngược lại, nhóm ngân hàng tư nhân chỉ giữ giá hoặc giảm nhẹ: ACB (-0.9%), STB (-1.5%), EIB (-1.4%).

Nhóm ngành VLXD cũng hưởng ứng nhóm cổ phiếu BĐS và xây dựng. Có thể kể đến HT1 (+2.2%), BCC (+2.2%), VCS (+0.7%).

Nhóm cổ phiếu thép phân hoá, NKG (-0.3%), HSG (-0.8%) giảm nhẹ; TLH (-2.3%) giảm khá; trong khi POM (+6.7%) tăng trần nhờ kết quả HĐKD quý 4 ấn tượng.

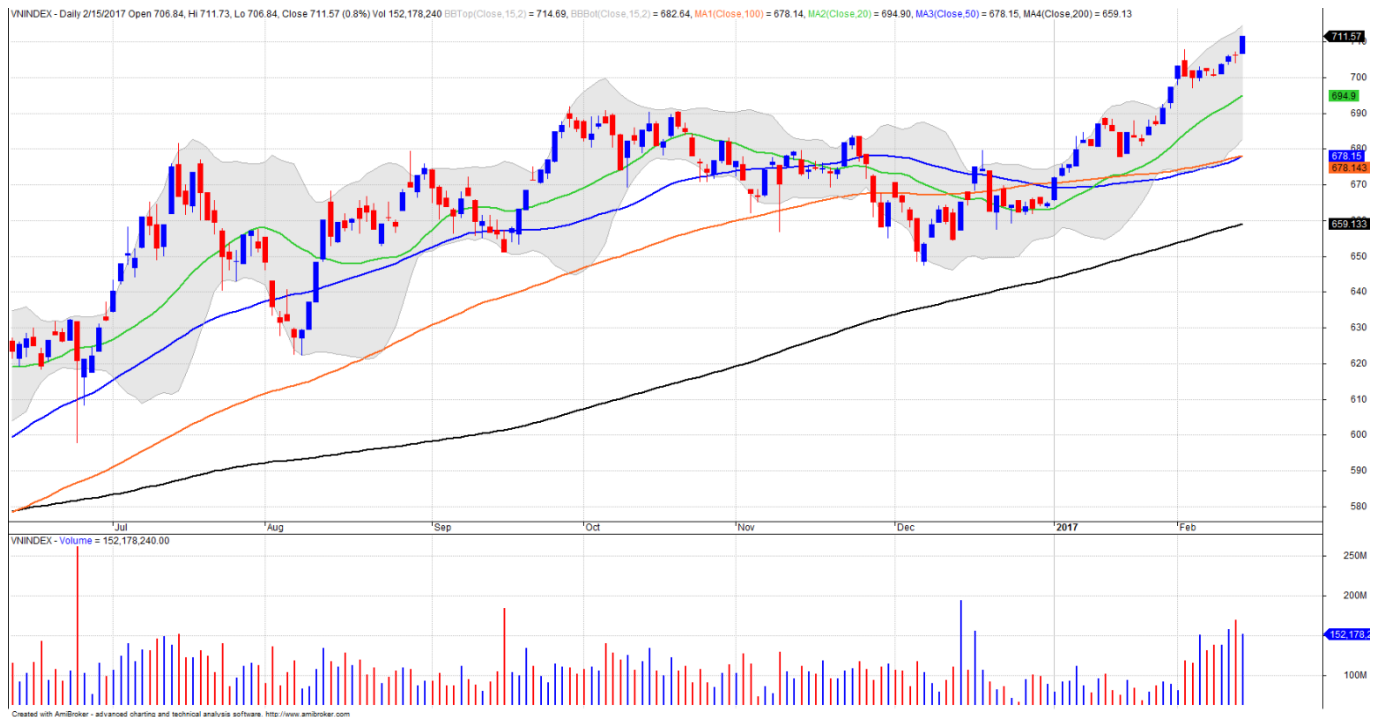
Sau tin về việc HAGL được giãn nợ, bộ đôi HNG và HAG liên tiếp tăng điểm. Trong phiên hôm nay, HAG tiếp tục tăng thêm 4.3%, trong khi HNG có phần chững lại, tăng 0.9%.

Dòng tiền tiếp tục tìm đến nhóm cổ phiếu cao su thiên nhiên khi giá cao su tiếp tục tăng: PHR (+2.3%), DPR (+0.7%), TRC (+1.0%)

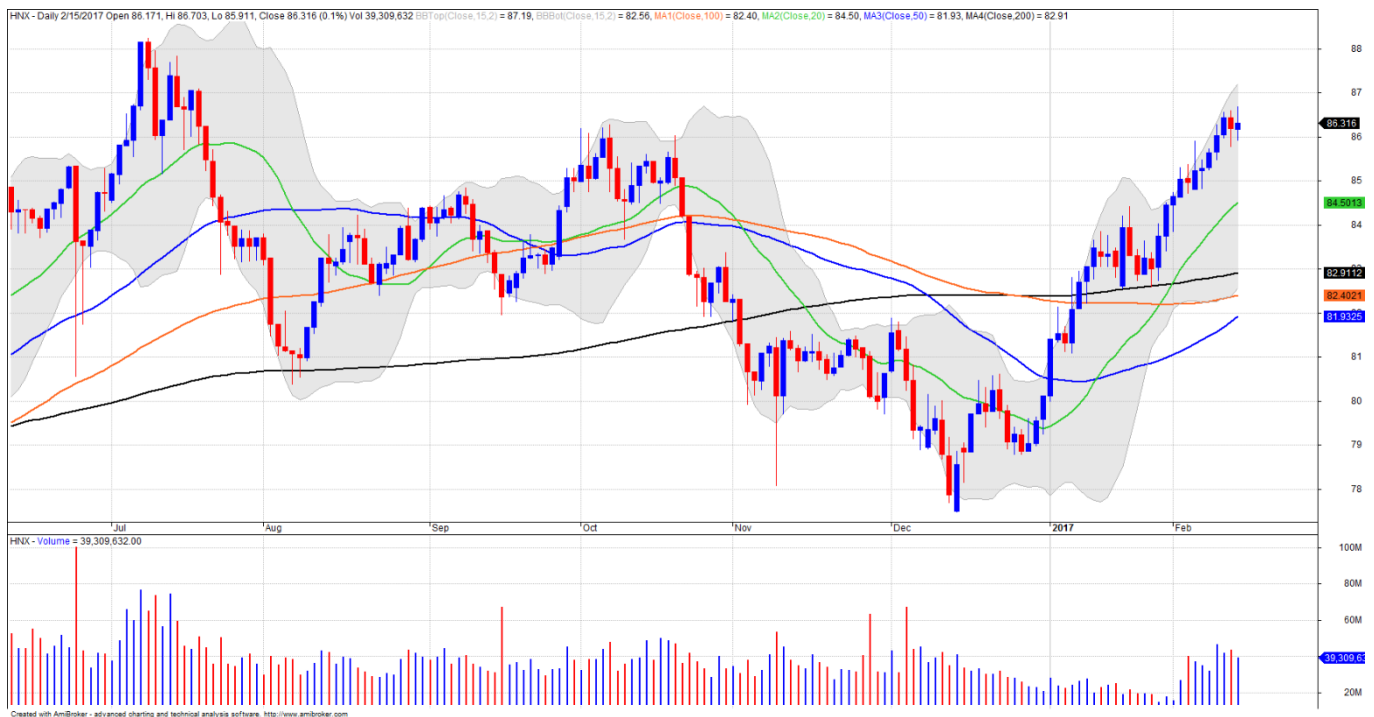
Khối ngoại mua ròng mạnh trong phiên hôm nay, tập trung ở các mã VNM, VIC và GAS.

Phân tích kỹ thuật

VN-Index



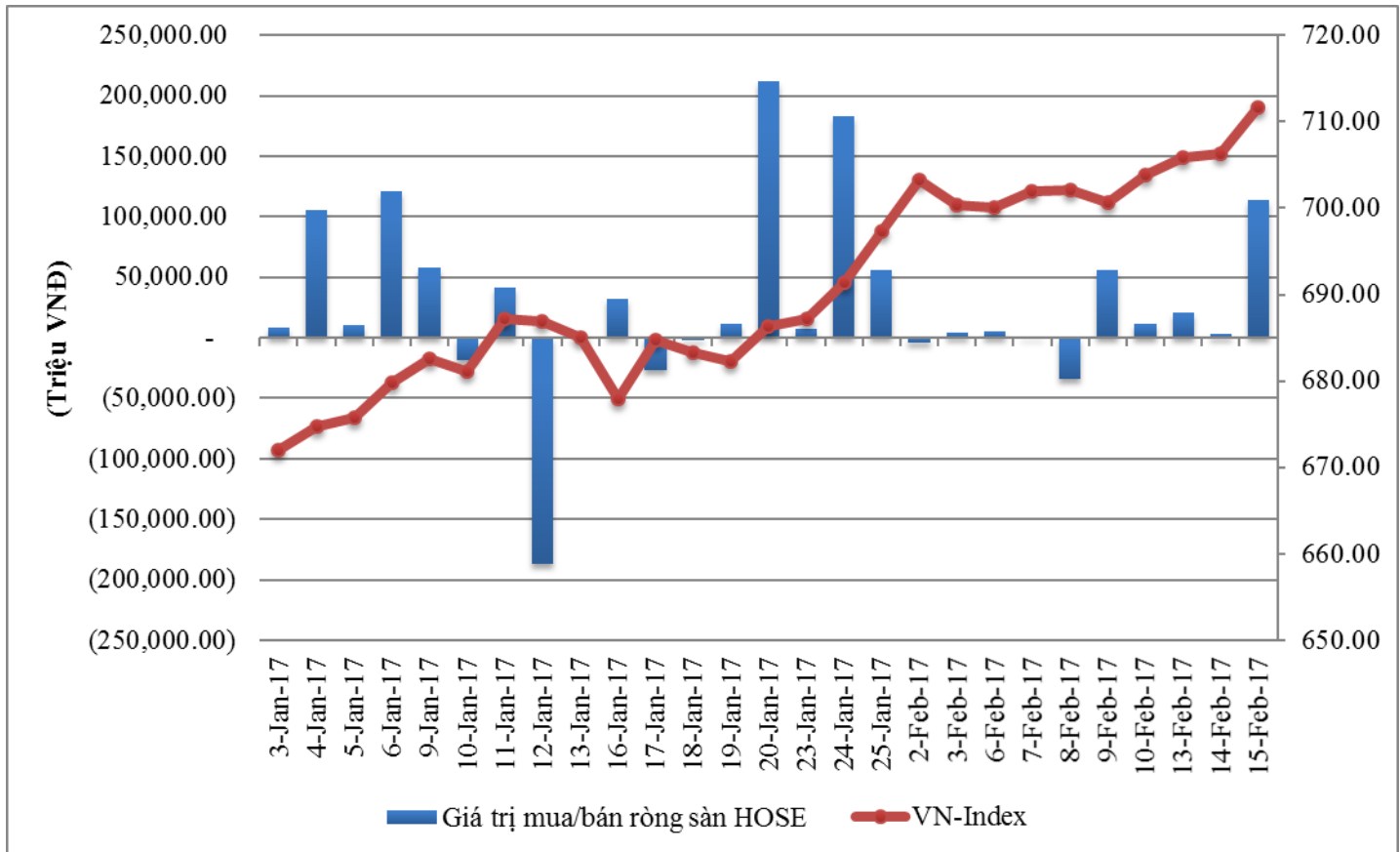
HNX-Index



Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho thấy xu thế tăng điểm của cả VN-Index và HNX-Index chưa dừng lại, mặc dù chỉ số đã tăng liên tiếp trong thời gian khá dài và tồn tại áp lực chốt lời. Chỉ báo RSI

tiếp tục duy trì ở mức cao trên cả 2 sàn, cho thấy lực mua vẫn khá mạnh. Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng cả 2 chỉ số sẽ tiếp tục đà tăng như trong các phiên vừa qua.

Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



Điểm tin doanh nghiệp

- CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (HOSE: AAA) sẽ tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 18/02/2017 tới đây. Năm 2016 là năm đánh dấu những cột mốc quan trọng của An Phát khi xây dựng dự án nhà máy số 6 và số 7, đẩy mạnh phát triển thị trường Nhật Bản, Mỹ và Úc. AAA đã đạt được doanh thu và lợi nhuận ấn tượng, cao nhất kể từ khi thành lập đến nay, lần lượt 2.145 tỷ đồng và 142,9 tỷ đồng - gấp đến 3,6 lần so với thực hiện năm 2015, vượt kế hoạch 43%. Trong năm 2016, các nhà máy của công ty đều được tăng công suất, đặc biệt là nhà máy 5 góp phần đẩy mạnh việc thâm nhập thị trường Nhật Bản của công ty. Các nhà máy 1, nhà máy 2, nhà máy 3 cũng đẩy mạnh sản lượng, khối lượng bán hàng tới thị trường truyền thống EU, Châu Phi và đặc biệt thị trường mới Châu Úc và Châu Mỹ đã được cải thiện rõ rệt. Hội đồng quản trị công ty đặt kế hoạch sản lượng hợp nhất là 86.000 tấn/năm, tổng doanh thu 2.900 tỷ đồng và LNST là 200 tỷ đồng cùng kế hoạch cổ tức tiền mặt khoản 20-30%/cp.

- PV Power cho biết kế hoạch trong năm 2017 là Tổng công ty sẽ hoàn thành công tác cổ phần hóa công ty mẹ, chuyển đổi mô hình hoạt động của tổng công ty từ công ty TNHH Nhà nước một thành viên sang hoạt động theo công ty cổ phần, tiến tới niêm yết cổ phần trên sàn GDCK. Theo Wall Street Journal, Chính phủ dự kiến bán một lượng lớn cổ phần tại PV Power cho nhà đầu tư nước ngoài nhằm nỗ lực mở cửa nền kinh tế và có thể giúp Nhà nước thu về 700 triệu USD.
- CTCP Nhựa Bao bì Vinh (HOSE: VBC) vừa công bố báo cáo tài chính quý 4 và cả năm 2016. KQKD cả năm, Doanh thu VBC đạt trên 700 tỷ đồng, vượt 13% kế hoạch. 26,43 tỷ đồng LNST, vượt 16% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm, tăng 4% so với năm 2015, EPS đạt 8.812 đồng/cổ phiếu.
- Ngân hàng Quân đội (HOSE: MBB) sẽ tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền mặt tỷ lệ 6%. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 24/2, ngày thực hiện chi trả là 8/3/2017.

Điểm tin doanh nghiệp

- Chủ tịch FED Janet Yellen cho biết tại buổi điều trần với Quốc hội ngày 15/2 vừa qua rằng mục tiêu của FED là sẽ nâng lãi suất để giữ nền kinh tế cân bằng, tuy nhiên, FED vẫn sẽ duy trì lượng trái phiếu hiện đang nắm giữ. Việc giảm bớt lượng trái phiếu mà FED đang nắm giữ này sẽ không diễn ra cho đến lãi suất được nâng lên đủ cao, và có dư địa để cắt giảm trong trường hợp nền kinh tế yếu đi. Và việc giảm bớt lượng trái phiếu nắm giữ, khi được thực hiện, sẽ được thực hiện một cách từ từ. Các nhà làm luật trông đợi lãi suất cơ bản sẽ tăng lên 1.4% trước năm 2018. (theo Bloomberg)

Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 10.02.2017

HOSE

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HSX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	HAG	6,800	4.29%	10,550,310	71,000
2	FLC	6,040	-0.17%	9,740,530	58,742
3	OGC	1,510	3.42%	8,061,910	12,368
4	HQC	2,220	-3.48%	7,157,280	16,161
5	STG	23,200	0.87%	6,733,472	150,935
6	DXG	14,950	1.36%	4,907,690	71,452
7	CTG	19,300	3.49%	4,804,180	91,626
8	BID	17,350	2.06%	3,866,520	66,449
9	HPG	45,150	0.11%	3,767,830	169,951
10	ITA	3,980	-0.25%	3,061,640	12,182

Top tăng giá HSX (KLGD> 200,000)					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	CDO	6,890	6.99%	906,530	6,246
2	C32	49,050	6.98%	738,850	35,512
3	ATG	3,070	6.97%	352,290	1,082
4	QBS	4,700	6.82%	203,720	939
5	QCG	4,560	6.79%	471,790	2,129
6	LDG	8,280	5.88%	1,352,740	11,058
7	GMD	30,950	5.63%	2,439,210	73,321
8	LCG	6,120	5.15%	1,250,320	7,576
9	VIC	44,500	4.58%	2,270,860	99,196
10	HAG	6,800	4.29%	10,550,310	71,000

Top giảm giá sàn HSX (KLGD> 200,000)					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	HID	14,050	-6.95%	2,397,240	33,931
2	VNA	1,300	-4.41%	251,050	320
3	HQC	2,220	-3.48%	7,157,280	16,161
4	VHG	2,280	-3.39%	1,354,880	3,140
5	KSA	1,710	-2.84%	1,526,480	2,625
6	TLH	15,100	-2.27%	1,768,650	27,152
7	AMD	14,250	-2.06%	263,120	3,791
8	TCH	17,000	-2.02%	648,820	10,951
9	PVD	22,450	-1.54%	1,942,230	43,899
10	STB	9,950	-1.49%	2,883,530	28,940

HNX

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HNX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	HKB	2,900	7.41%	4,065,650	11,728
2	SHB	5,000	0.00%	2,976,631	14,915
3	DST	25,400	9.96%	2,322,919	58,386
4	DCS	2,300	0.00%	2,003,540	4,518
5	KLF	2,600	0.00%	1,824,931	4,608
6	ACB	23,300	-0.85%	1,719,050	40,406
7	VCG	15,800	0.00%	1,716,485	27,124
8	PVS	19,200	-1.03%	1,486,612	28,635
9	ACM	1,800	-5.26%	1,154,000	2,086
10	KVC	2,300	-4.17%	1,082,420	2,490

Top tăng giá HNX (KLGD>200,000)					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	DST	25,400	9.96%	2,322,919	58,386
2	MBG	4,500	9.76%	254,200	1,138
3	PVB	13,500	9.76%	284,035	3,811
4	KKC	21,700	9.60%	241,930	5,172
5	KDM	5,800	9.43%	472,500	2,693
6	NHP	4,100	7.89%	512,667	2,100
7	BII	2,900	7.41%	410,400	1,160
8	HKB	2,900	7.41%	4,065,650	11,728
9	ITQ	3,100	6.90%	632,100	1,910
10	TTB	6,800	4.62%	277,100	1,838

Top giảm giá HNX (KLGD>200,000)					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	ACM	1,800	-5.26%	1,154,000	2,086
2	PVX	2,200	-4.35%	892,118	2,051
3	KVC	2,300	-4.17%	1,082,420	2,490
4	SHN	10,400	-1.89%	973,322	10,131
5	SHS	5,300	-1.85%	557,960	2,972
6	PGS	17,200	-1.15%	416,043	7,216
7	PVS	19,200	-1.03%	1,486,612	28,635
8	ACB	23,300	-0.85%	1,719,050	40,406
9	CEO	13,300	-0.75%	977,731	12,960

Thống kê giao dịch khối ngoại

HOSE

Top mua ròng về giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VNM	294,610	39,191,589	674,920,323	53.5%
2	VIC	491,760	21,663,746	500,371,155	10.0%
3	GAS	279,140	16,434,452	886,128,922	2.7%
4	CII	376,980	11,713,415	29,526,699	59.3%
5	HPG	189,870	8,557,713	117,766,232	35.0%
6	SSI	321,690	6,791,963	204,330,887	57.4%
7	SAB	29,230	6,232,213	252,067,962	9.7%
8	BVH	93,040	5,920,952	163,956,751	24.9%
9	DMC	56,320	4,436,388	15,102,326	56.5%
10	NVL	70,030	4,177,776	226,355,014	11.0%

HNX

Top mua ròng về giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	PVS	174,000	3,347,980	94,897,457	27.8%
2	HUT	53,000	657,200	54,090,440	18.3%
3	HAT	14,700	648,450	1,318,356	6.8%
4	IVS	50,800	603,760	325,450	48.0%
5	WCS	2,200	431,200	588,200	25.5%
6	VKC	17,400	241,900	5,688,607	20.6%
7	TV2	1,200	238,580	31,239	47.0%
8	BII	84,100	235,480	26,535,820	3.0%
9	DBC	4,700	156,390	17,399,478	25.9%
10	RCL	4,400	102,960	1,735,593	26.0%

Top bán ròng về giá trị sàn HOSE

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	PVD	(224,660)	(5,093,869)	75,887,662	29.2%
2	GTN	(259,170)	(4,521,925)	119,258,657	52.3%
3	KDH	(175,040)	(3,574,068)	1,260,133	48.5%
4	HT1	(140,430)	(2,888,497)	147,640,746	10.3%
5	DRC	(93,090)	(2,859,960)	21,758,980	30.7%
6	DPM	(105,870)	(2,690,846)	111,848,206	20.4%
7	TDH	(251,560)	(2,684,025)	5,811,803	40.8%
8	DCM	(250,000)	(2,619,500)	236,657,763	4.3%
9	SRF	(74,700)	(2,485,945)	5,298,023	27.3%
10	DXG	(160,660)	(2,411,400)	39,584,567	33.4%

Top bán ròng về giá trị tại HNX

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	NTP	(59,480)	(4,432,468)	11,445,883	33.6%
2	CVT	(25,300)	(1,197,790)	16,736,128	6.3%
3	VND	(54,000)	(680,970)	2,573,022	47.3%
4	PMS	(21,800)	(625,680)	1,590,942	27.0%
5	PGS	(25,000)	(437,500)	14,624,217	19.8%
6	NET	(4,600)	(151,960)	5,583,432	24.1%
7	KKC	(6,000)	(130,200)	2,098,800	8.6%
8	PCG	(22,900)	(125,950)	296,600	47.4%
9	API	(5,500)	(76,570)	2,640,100	41.8%
10	VE8	(4,900)	(57,780)	798,600	4.6%

Thống kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Dầu khí	18,589.51	1%	-0.92%	8.24%	16.98	0.73	4.25%	1.88%	-9.46%	-7.92%
Nguyên vật liệu	149,238.91	7%	0.37%	2.39%	9.81	1.95	18.88%	10.03%	5.74%	15.30%
Công nghiệp	400,951.79	18%	0.69%	4.95%	19.90	4.29	14.40%	7.50%	15.05%	21.96%
Hàng Tiêu dùng	594,575.11	27%	-0.11%	0.90%	18.91	6.86	29.76%	20.20%	15.35%	33.80%
Dược phẩm và Y tế	29,454.02	1%	0.08%	6.80%	23.34	3.01	21.68%	13.93%	10.97%	39.45%
Dịch vụ Tiêu dùng	110,306.02	5%	-0.25%	0.92%	19.81	3.85	23.75%	7.44%	20.47%	9.58%
Viễn thông	13,873.07	1%	-0.95%	24.44%	13.58	4.16	29.69%	10.90%	14.34%	44.18%
Tiện ích Cộng đồng	167,874.09	8%	0.05%	0.07%	13.65	2.45	16.04%	10.72%	14.61%	23.69%
Tài chính	332,939.51	15%	1.98%	3.21%	23.75	2.91	9.19%	2.97%	14.69%	31.98%
Ngân hàng	366,571.05	17%	1.23%	7.75%	14.01	1.81	12.06%	0.77%	23.13%	52.36%
CNTT	27,416.67	1%	-0.53%	2.10%	10.79	1.97	16.44%	6.68%	6.00%	20.50%

TOP VỐN HOÁ SÀN HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6,464	20.58	1,451.42	43.16%	32.89%	193,038.24
2	VCB	Vietcombank	1,897	20.56	3,597.77	14.50%	0.93%	140,312.97
3	SAB	SABECO	6,978	30.65	641.28	33.86%	21.92%	137,170.05
4	VIC	VinGroup	591	75.28	2,637.71	3.78%	0.96%	117,378.00
5	GAS	PV Gas	3,704	15.96	1,913.35	16.90%	12.46%	113,078.87
6	CTG	VIETINBANK	1,828	10.56	3,723.40	11.48%	0.79%	71,861.71
7	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1,021	136.48	430.00	10.38%	6.60%	59,942.00
8	BID	BIDV	1,802	9.63	3,418.72	14.74%	0.66%	59,314.71
9	MSN	Tập đoàn Masan	2,472	16.97	1,138.26	11.77%	3.85%	47,750.10
10	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	1,980	32.17	680.47	9.94%	2.05%	43,346.03

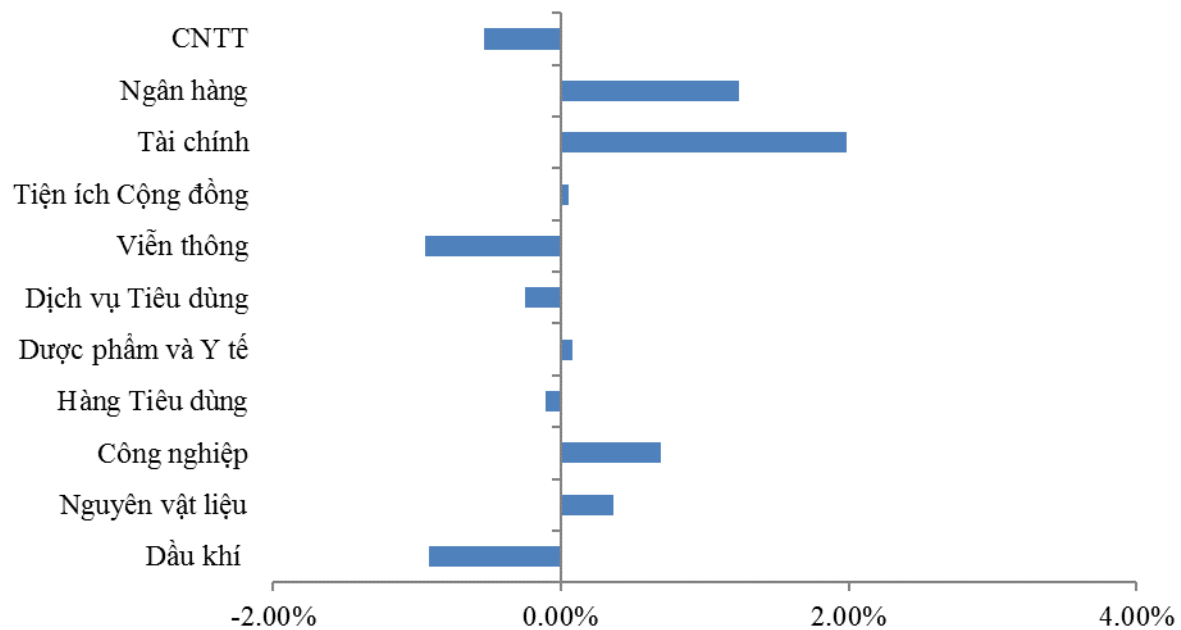
TOP VỐN HOÁ SÀN HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1,344	17.33	985.90	9.87%	0.61%	22,971.50
2	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2,210	8.69	446.70	8.38%	3.80%	8,576.65
3	VCS	VCS STONE	12,009	11.82	60.00	55.28%	22.09%	8,520.00
4	VCG	VINACONEX	1,078	14.66	441.71	6.44%	2.21%	6,979.03
5	SHB	SHB	921	5.43	1,119.19	7.66%	0.43%	5,595.96
6	PVI	Bảo hiểm PVI	2,424	10.31	222.49	7.96%	3.36%	5,562.18
7	NTP	Nhựa Tiền Phong	5,346	13.94	74.37	22.38%	11.90%	5,540.36
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1,411	11.41	326.96	11.35%	8.44%	5,264.06
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1,729	9.02	307.00	12.70%	3.88%	4,789.20
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1,829	12.46	131.08	8.87%	3.74%	2,988.53

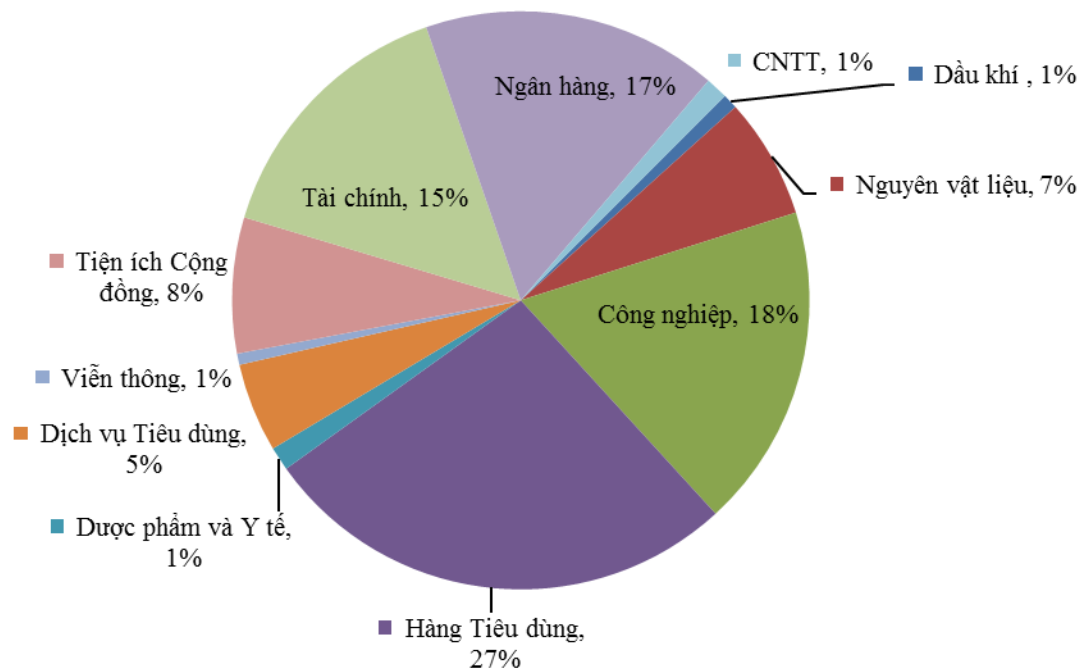
TOP VỐN HOÁ SÀN UPCOM

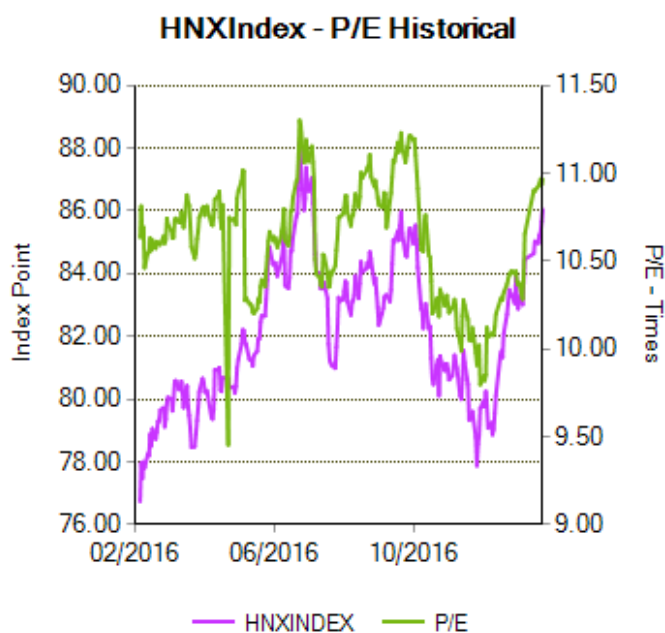
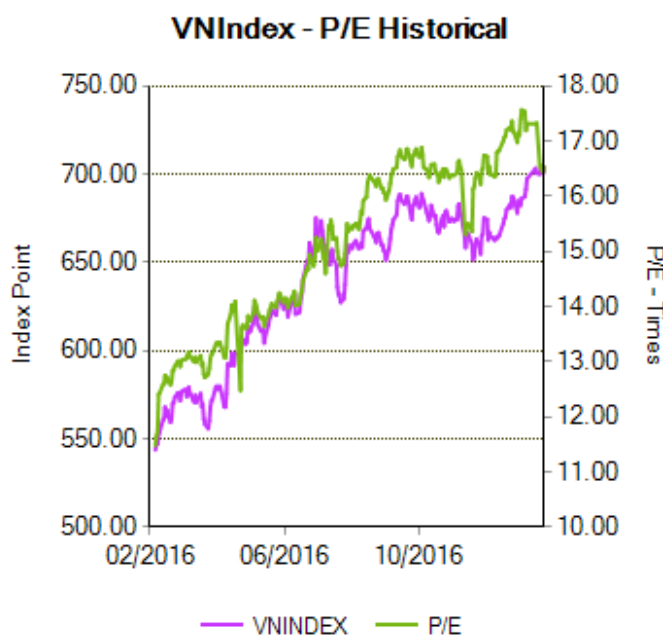
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1,002	51.30	2,177.17	8.33%	3.86%	111,887.11
2	HVN	Vietnam Airlines	2,480	16.89	1,227.53	17.54%	2.69%	51,420.16
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5,165	14.22	538.16	21.66%	15.32%	39,528.40
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7,566	14.48	187.55	43.22%	24.93%	20,551.10
5	FOX	FPT Telecom	6,697	14.21	137.05	30.82%	11.12%	13,043.87
6	MSR	Tài Nguyên Masan	153	89.14	703.54	0.94%	0.41%	9,575.25
7	DTK	Vinacomin Power	21	656.35	680.00	0.23%	0.05%	9,520.00
8	VIB	VIBBank	900	18.67	564.44	6.47%	0.59%	9,482.60
9	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-514	-157.71	107.30	-6.29%	-4.85%	8,691.22
10	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	159.04	166.60	2.58%	2.56%	7,065.18

Tăng/giảm theo ngành



Tỷ trọng vốn hóa ngành





MIỄN TRÁCH: Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này.

Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: info@bmsc.com.vn